NT 55/2 TACT² ME I

Máy hút bụi hiệu suất cao với bộ lọc tự động Tact² tự động và bộ chứa bằng thép không gỉ.



Made in Europe

Mã đặt hàng	**1.667-237.0**

Thông số kỹ thuật

		4039784538092
Số pha	**Ph**	1
Điện áp	**V**	220 – 240
Tần số	**Hz**	50 – 60
Lưu lượng khí	**l/s**	2 × 74
Lực hút	**mbar / kPa**	254 / 25,4
Dung tích thùng chứa	**l**	55
Vật liệu thùng chứa		Thép không gỉ
Công suất	**W**	Tối đa 2760
Bề rộng quy định theo tiêu chuẩn		ID 40
Chiều dài dây điện	**m**	10
Độ ồn	**dB(A)**	73
Màu sắc		Bạc
Trọng lượng chưa gắn phụ kiện	**Kg**	43
Trọng lượng bao gồm bao bì	**Kg**	51,727
Kích thước (D × R × C)	**mm**	710 × 570 × 1070

Phạm vi cung cấp

- **Chiều dài ống hút bụi**: 4 m
- **Số lượng thanh hút nối dài**: 2 Unit
- **Chiều dài thanh hút**: 550 mm
- **Chất liệu thanh hút**: Thép không gỉ
- **Chiều rộng bàn hút sàn ướt/khô**: 360 mm
- **Đầu hút khe**
- **Tay đẩy**

Thiết bị

- **Tự động ngắt khi đạt ngưỡng tối đa**
- **Chuẩn bị ống tĩnh điện**
- **Vệ sinh bộ lọc**: Hệ thống lưới lọc làm sạch tự động
- **Dạng bảo vệ**: I
- **Bánh xe nhỏ có phanh**



Cơ chế thiết lập

- Dễ dàng nâng và hạ thùng chứa.
- Chỉ thùng chứa được tháo để trút ra. Thiết bị và khung gầm vẫn ở vị trí sử dụng.

Máy hút bụi ướt và khô thực tế

- Khi hút chất lỏng, máy sẽ tự động tự tắt nếu mức độ nạp tối đa đạt được, nhờ khả năng tự động điều khiển mức nạp.

Thùng chứa bằng thép không gỉ cơ động

- Các thùng chứa được gửi có thể được gỡ bỏ thuận tiện từ khung xe và hướng để xử lý / đổ.

NT 55/2 Tact² Me I, 1.667-237.0, 2026-10-30

KÄRCHER

PHỤ KIỆN CHO NT 55/2 TACT² ME I
1.667-237.0


1


2


3


4–6


7


8–10


11


12


13


14–16

		Mã đặt hàng		
BỘ LỌC NẾP GẤP PHẲNG, TIÊU CHUẨN, BIA C HOẶC LÊN TỚI LOẠI BỤI M				
Bộ lọc nếp gấp phẳng, giấy				
Bộ lọc xếp nếp phẳng, giấy	1	6.907-276.0	Bộ lọc bụi có nếp gấp phẳng lớp M, giấy phủ nano. Thích hợp để nhặt bụi mịn và bụi bẩn khô.	■
Bộ lọc nếp gấp phẳng, PTFE				
Bộ lọc xếp nếp phẳng, PTFE	2	6.907-449.0	Bộ lọc lông cừu polyester với lớp phủ PTFE, lớp bụi M, dành cho máy hút bụi khô ướt Tact². Đặc biệt thích hợp cho các vật liệu rất dính.	☐
KHỚP UỐN				
Khớp uốn nhựa				
Ống hút khuỷu dẫn điện, DN 40	3	2.889-172.0	Ống hút cong cho một hệ thống kẹp mới có kích thước DN 40. Thiết kế dẫn điện. Đặc biệt thích hợp với nồng độ bụi mịn cao	■
Ống hút nhựa cong	4	5.031-718.0	Ống hút nhựa cong (DN 35) với hệ thống kẹp C-35. Dùng cho tất cả các kiểu máy hút bụi khô ướt NT 361 đến NT 611 Eco một động cơ công nghiệp (ngoại trừ NT Eco M và NT Eco H).	☐
Ống hút nhựa cong, dẫn điện	5	5.031-939.0	Ống hút nhựa cong dẫn điện (DN 35) với hệ thống kẹp C-35. Dùng cho tất cả các dòng máy hút bụi khô ướt NT 361 đến NT 611 Eco một động cơ công nghiệp.	☐
	6	5.032-427.0	Ống hút nhựa dẫn điện (DN 40) với hệ thống kẹp C-40, thích hợp cho tất cả các máy hút bụi khô ướt NT.	☐
Khớp uốn, kim loại				
Ống hút cong kim loại	7	6.900-519.0	Ống hút cong bằng kim loại mạ crom, chắc chắn (DN 35), có thể được sử dụng thay cho ống hút nhựa cong (với bộ chuyển đổi hệ thống clip 5.407-112.0; C 35-DN 35, nhựa, el.).	☐
Ống hút cong, thép không gỉ, ID 35	8	6.903-141.0	Thép không gỉ và uốn cong, ID 35	☐
Ống hút cong kim loại	9	6.900-276.0	Ống hút cong bằng kim loại mạ crom, chắc chắn (DN 40), có thể được sử dụng thay cho ống hút nhựa cong (với bộ chuyển đổi hệ thống clip 5.407-111.0; C 40-DN 40, nhựa, el.).	☐
Ống hút cong, thép không gỉ, ID 40	10	6.902-079.0	Thép không gỉ và uốn cong, ID 40	☐
ĐẦU HÚT				
Bàn hút sàn				
Đầu hút sàn khô và ướt Adv	11	2.889-153.0	Đầu hút sàn khô và ướt rộng 360 mm với các miếng chèn, lưỡi hút dễ thay đổi.	■
Đầu hút sàn khô và ướt tiêu chuẩn	12	2.889-173.0	Chiều rộng 300 mm, đầu hút sàn ướt/khô màu anthracite, NW 35. Với các miếng chèn dễ thay đổi. Bao gồm lưỡi bàn chải và chổi cao su.	☐
Đầu hút sàn, màu anthracite DN40	13	2.889-174.0	Vòi hút sàn tiêu chuẩn, màu anthracite, đường kính 40, có chổi quét và chổi cao su. Thích hợp cho tất cả các ứng dụng ướt và khô.	☐
Đầu hút đa năng khô và ướt	14	6.903-018.0	Đầu hút nhôm đa năng với chiều rộng làm việc 370 mm. Với con lăn bên có thể điều chỉnh độ cao, dải chổi quét (6.903-064.0) và lưỡi cao su chịu dầu (6.903-081.0). Chỉ dành cho máy hút bụi khô và ướt NT.	☐

■ Có bao gồm khi giao hàng ☐ Phụ kiện đang có hàng

KÄRCHER

PHỤ KIỆN CHO NT 55/2 TACT² ME I
1.667-237.0


14–16


17


18


19


20


21


22


23


24


25

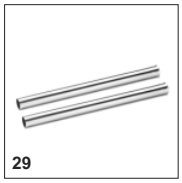

26


27–28

		Mã đặt hàng		
ĐẦU HÚT				
Bàn hút sàn				
Đầu hút đa năng khô và ướt	15	6.906-383.0	Đầu hút nhôm đa năng với chiều rộng làm việc 450 mm. Với con lăn bên có thể điều chỉnh độ cao, dải chổi quét (6.903-065.0) và lưỡi cao su chịu dầu (6.906-146.0). Chỉ dành cho máy hút bụi khô và ướt NT.	☐
	16	6.906-384.0	Đầu hút nhôm đa năng với chiều rộng làm việc 370 mm. Với con lăn bên có thể điều chỉnh độ cao, dải chổi quét (6.903-064.0) và lưỡi cao su chịu dầu (6.903-081.0). Chỉ dành cho máy hút bụi khô và ướt NT.	☐
Đầu hút sàn khô và ướt	17	2.889-117.0	Đầu hút sàn khô và ướt (DN 40) cho phép thay lưỡi cao su / chổi quét một cách nhanh chóng và lý tưởng cho việc hút bụi ướt các khu vực rộng lớn.	☐
Đầu hút khe				
Đầu hút khe DN 40 300mm 1:50	18	5.130-655.0	Đầu phun có kẽ hở bằng nhựa có chiều rộng danh nghĩa DN 40 dùng cho máy hút bụi khô và ướt Kärcher. Đặc biệt thích hợp để hút bụi những khu vực khó tiếp cận như các khớp nối, kẽ hở và ngóc ngách.	■
Đầu hút khe	19	2.889-130.0	Đầu hút khe bằng nhựa	☐
	20	6.900-922.0	Dụng cụ hút khe bằng nhựa (DN 35) để hút bụi trong các kẽ hở và ngóc ngách. Chiều dài: 370 mm.	☐
	21	6.905-817.0	Dụng cụ hút khe bằng kim loại (DN 40) để hút bụi trong các kẽ hở và ngóc ngách. Chiều dài: 400 mm.	☐
Chổi đa năng				
Bàn chải đa nhiệm	22	6.903-863.0	Lông cứng tự nhiên (lông bò), 120 × 45 mm.	☐
Đầu hút vệ sinh xe hơi				
Đầu hút oto, ID 40, 90 mm	23	6.900-952.0	Dụng cụ hút bụi ô tô dạng góc, phẳng, bằng nhựa với chiều rộng làm việc khoảng 90 mm. Chỉ dành cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
	24	2.840-095.0		☐
Dụng cụ hút cao su, mũi 45 °				
Đầu hút cao su, mũi 45°	25	6.902-104.0	Đầu hút cao su 45 ° (DN 35), chịu dầu và thích hợp cho máy hút bụi. Chỉ dành cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
	26	6.902-105.0	Đầu hút cao su 45 ° (DN 40), chịu dầu và thích hợp cho máy hút bụi. Chỉ dành cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
Đầu hút bụi ống				
Bàn chải ống 35/100	27	6.903-035.0	Nhựa, đường kính ống 100 mm	☐
Bàn chải ống 35/200	28	6.903-036.0	Nhựa, đường kính ống 200 mm	☐

■ Có bao gồm khi giao hàng ☐ Phụ kiện đang có hàng

PHỤ KIỆN CHO NT 55/2 TACT² ME I
1.667-237.0


29


30–32


33


34


35


36


37


38


39


40


41


42

		Mã đặt hàng		
ỐNG HÚT				
Ống hút, thép không gỉ				
Bộ ống hút bằng thép không gỉ NW40 55	29	2.889-194.0	Bộ ống hút bằng thép không gỉ (2 × 0,55 m)	■
Ống hút	30	6.902-154.0	Ống hút bằng thép không gỉ dài 0,5 m (ID 35) dùng cho máy hút bụi khô ướt. Lý tưởng cho các ứng dụng hút bụi ướt thường xuyên và hút bụi các thành phần ăn mòn.	☐
	31	6.902-081.0	Ống hút bằng thép không gỉ (DN 40, 0,5 m) chỉ thích hợp cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
	32	6.906-531.0	Ống hút bằng thép không gỉ (DN 40, 1 m) chỉ thích hợp cho máy hút bụi NT.	☐
Ống hút, kim loại				
Bộ ống hút, mạ crom, NW35 550 mm	33	2.889-191.0	Bộ ống hút, mạ crom kim loại, NW 35, 2 phần, mỗi phần 0,55 mm.	☐
Ống hút	34	6.900-514.0	Ống hút kim loại mạ crom (DN 35, 1x0,5 m), tiêu chuẩn cho hầu như tất cả các máy hút bụi khô ướt công nghiệp NT một động cơ.	☐
Suction hoses with clip system 2.0 (compatible with vacuum cleaners from model year 2017 on)				
Ống hút dẫn điện	35	2.889-141.0	Ống hút dẫn điện với chốt cài mới và kẹp buộc. Chiều dài: 4 m.	■
Bộ ống dẫn điện NW	36	2.889-137.0	Ống hút 4 m với chốt cài mới và nẹp chặt. Dẫn điện.	☐
Bộ ống hút NW40 4m	37	2.889-138.0	Ống hút 4 m với chốt cài mới và nẹp chặt.	☐
Ống hút	38	2.889-139.0	Ống hút với chốt cài mới và kẹp buộc. Chiều dài: 2,5 m.	☐
Ống hút, chống dầu	39	2.889-140.0	Ống hút chịu dầu với chốt cài mới và kẹp buộc. Chiều dài: 4 m.	☐
Ống hút dẫn điện	40	2.889-142.0	Ống hút dẫn điện với chốt cài mới và kẹp buộc. Chiều dài: 2.5 m.	☐
Ống hút nối dài	41	2.889-146.0	Ống nối dài cho hệ thống kẹp mới ID 40. Chiều dài: 2,5 m.	☐
Kết nối ống				
Bộ chuyển đổi, ID 32/35, với ren trong	42	6.902-077.0	Bộ chuyển đổi không dẫn điện có ren trong. Để kết nối hai ống hút không có đầu nối. Thích hợp cho DN 32 hoặc DN 35.	☐

■ Có bao gồm khi giao hàng ☐ Phụ kiện đang có hàng

PHỤ KIỆN CHO NT 55/2 TACT² ME I
1.667-237.0


43


44, 46


45


47


48


49


50


51


52–53


54, 56–57


55

		Mã đặt hàng		
ỐNG HÚT				
Kết nối ống				
Bộ chuyển đổi, ID 40, với ren trong	43	6.900-286.0	Bộ chuyển đổi không dẫn điện có ren vít ở hai đầu. Dùng để nối 2 ống hút DN 40 không có đầu nối.	☐
Suction hoses with clip system 1.0 (compatible with vacuum cleaners up to model year 2016)				
Ống nối dài	44	6.906-237.0	Ống nối dài tiêu chuẩn không dẫn điện cho tất cả các ống C-32 và C-35 với hệ thống kẹp.	☐
Bộ sửa chữa, C 40	45	2.639-873.0	Bộ sửa chữa (C40) bao gồm các bộ điều hợp ống ren (không có bộ chuyển đổi chốt cài) cho máy hút bụi khô ướt NT công nghiệp với hệ thống kẹp.	☐
Ống hút nối dài	46	6.906-344.0	Ống nối dài tiêu chuẩn không dẫn điện 2,5 m cho tất cả các ống C-40 có hệ thống kẹp.	☐
Ống hút	47	4.440-678.0	Ống hút không dẫn điện cách điện 4m có uốn cong, chốt cài ở đầu chân không và đầu nối kẹp C 40 ở đầu phụ kiện. Không có mô-đun	☐
	48	6.906-279.0	Ống hút tiêu chuẩn 10 m không uốn cong và bộ chuyển đổi có chốt cài ở đầu hút chân không và kết nối kẹp C 40 ở đầu phụ kiện.	☐
	49	6.906-321.0	Ống hút 4 m không uốn cong và bộ chuyển đổi có gắn chốt cài và kết nối kẹp C 40	☐
	50	6.906-714.0	Với chốt cài và kết nối kẹp.	☐
Ống hút + PFC module, dẫn điện	51	4.440-728.0	Với uốn cong và mô-đun (4.060-533.0), dẫn điện.	☐
Ống hút	52	6.906-635.0	Với chốt cài và kết nối kẹp.	☐
	53	6.906-877.0	Ống hút có khớp nối dạng chốt cài, dẫn điện.	☐
Suction hoses with cone connection				
Ống hút, hoàn chỉnh	54	4.440-263.0	Ống hút tiêu chuẩn 4.0m không dẫn điện với chốt cài ở đầu chân không và côn DN 40 ở đầu phụ kiện.	☐
	55	4.440-303.0	Chống dầu	☐
	56	4.440-463.0	Ống hút tiêu chuẩn 10.0m không dẫn điện với chốt cài ở đầu chân không và côn DN 40 ở đầu phụ kiện.	☐

☐ Phụ kiện đang có hàng

KÄRCHER

PHỤ KIỆN CHO NT 55/2 TACT² ME I
1.667-237.0


54, 56–57


58


59


60


61


62


63


64


65


66


67


68


69–71

		Mã đặt hàng		
ỐNG HÚT				
Suction hoses with cone connection				
Ống hút, hoàn chỉnh	57	4.440-466.0	dẫn điện, 10.0m, ID 40	☐
Ống hút, hoàn chỉnh, chống dầu	58	4.440-612.0	Chống dầu	☐
Ống hút hoàn chỉnh	59	4.440-264.0	Ống hút tiêu chuẩn dài 4 m với đầu nối chốt cài DN 61 ở đầu thiết bị và đầu nối hình côn DN 61 ở đầu phụ kiện.	☐
	60	4.440-328.0	Ống công nghiệp, PVC / chất đàn hồi với xoắn thép, bên trong nhẵn	☐
	61	4.440-467.0	Ống hút tiêu chuẩn dài 10 m với đầu nối chốt cài DN 61 ở đầu thiết bị và đầu nối hình côn DN 61 ở đầu phụ kiện.	☐
Ống hút hoàn chỉnh, chống dầu	62	4.440-613.0	Chống dầu.	☐
Ống hút hoàn chỉnh. Dẫn điện	63	4.440-616.0	Dẫn điện	☐
BỘ LỌC T/NT				
Flat pleated filter HEPA, dust class H				
Bộ lọc gấp nếp phẳng HEPA	64	6.904-364.0	Bộ lọc bề mặt HEPA – bụi dòng H (H 14) – với các lớp sợi thủy tinh tăng khả năng lọc khi hút bụi gây ung thư và nguy hiểm cho sức khỏe.	☐
Bộ lọc vải				
Lọc bụi gỗ dạng nến, NT 65/2, NT 75/2	65	2.414-003.0		☐
CONNECTING SLEEVES				
Bộ dụng cụ tiếp hợp chữ Y				
Bộ chuyển đổi chữ Y	66	2.637-217.0	Đầu chuyển đổi nhựa – thích hợp cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
Bộ tiếp hợp kết nối C ID (kẹp trên đầu), dẫn điện				
Kết nói hình nón NW35	67	5.407-005.0	Hệ thống kẹp bộ chuyển đổi DN 35 để kết nối ống hút và đầu phun nhỏ với hình nón DN 35. Hoàn hảo cho việc vệ sinh nội thất xe, ngay cả khi không có kết nối của các đầu phun khác.	☐
Kết nói hình nón NW40	68	5.407-006.0	Để kết nối các đầu phun nhỏ và ống hút với hình nón DN 40: Hệ thống kẹp bộ chuyển đổi DN 40. Lý tưởng cho các công việc làm sạch nội thất xe mà không cần kết nối thêm các đầu phun khác.	☐
Đầu nối C DN 35	69	5.407-112.0	Đầu nối ống C 35 cho phụ kiện DN 35, dẫn điện.	☐
Đầu nối C DN 40	70	5.407-109.0	Bộ chuyển đổi dẫn điện (C 40) với kết nối DN 35 để kết nối các phụ kiện DN 35 với ống hút C 40 hoặc C-DN 40 công nghiệp. Thích hợp cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐

☐ Phụ kiện đang có hàng

KÄRCHER

PHỤ KIỆN CHO NT 55/2 TACT² ME I
1.667-237.0


69–71


72


73

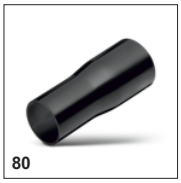

74


75


76, 78


77


79


80


81


82


83


84

		Mã đặt hàng		
CONNECTING SLEEVES				
Bộ tiếp hợp kết nối C ID (kẹp trên đầu), dẫn điện				
Đầu nối C DN 40	71	5.407-111.0	Đầu nối ống C 40 cho phụ kiện DN 40, dẫn điện.	☐
Bộ tiếp hợp kết nối cho dụng cụ điện, kẹp, dẫn điện				
Bộ chuyển đổi kết nối cho dụng cụ điện, C 35, dẫn điện	72	5.453-042.0	Bộ chuyển đổi nhựa 3 đầu. Dành cho DN 26 đến DN 36. Để kết nối dụng cụ điện với ống hút C hoặc C-DN 35 công nghiệp. Thích hợp cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
	73	5.453-048.0	Bên trong Ø 25,4 mm, bên ngoài Ø 34,6 mm / 38 mm, dẫn điện. Chỉ dành cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
	74	5.453-050.0	Bên trong Ø 27 mm, bên ngoài Ø 36,5 mm / 38,8 mm, el. Chỉ dành cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
Bộ tiếp hợp cho dụng cụ điện, có thể bắt hoặc tháo vít				
Bộ chuyển đổi cho các dụng cụ điện, có thể vặn ID 35	75	5.453-016.0	Bộ chuyển đổi nhựa 3 chiều có hướng dẫn cách lắp. Dành cho DN 26 đến DN 36. Để kết nối với ống hút DN 35 công nghiệp.	☐
	76	5.453-026.0	Bên trong Ø 28,6 mm, bên ngoài Ø 37,3 mm / 38,8 mm.	☐
	77	6.902-059.0	Bộ chuyển đổi dụng cụ điện dẫn điện, có ren. Đường kính trong: 32 mm. Đường kính ngoài: 39 mm.	☐
	78	6.902-095.0	Bộ chuyển đổi dụng cụ điện 2 chiều, có ren. Để kết nối với ống hút DN 35 công nghiệp. Đường kính trong: 28 mm. Đường kính ngoài: 34 mm và 38,8 mm. Thích hợp cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
Ống hơi thu ngắn				
Bộ giảm tốc	79	5.407-108.0	Bộ giảm tốc ren – từ C-40 đến DN 35. Thích hợp cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
	80	6.902-017.0	Bộ giảm tốc để mở rộng phụ kiện. Lý tưởng cho các phụ kiện có hình nón kết nối DN 35 kết hợp với các phụ kiện có hình nón kết nối DN 40.	☐
Ống lót giảm	81	5.407-113.0	Bộ giảm tốc (C 40 đến C 35) để kết nối các phụ kiện có đầu nối kẹp C-35 với ống hút có hệ thống kẹp C 40.	☐
Bộ giảm tốc từ ID 35 đến ID 32	82	6.902-072.0	Bộ giảm tốc với hình nón kết nối bên trong DN 32. Lý tưởng cho các phụ kiện từ dòng máy hút bụi công nghiệp kết hợp với máy hút bụi khô ướt công nghiệp NT.	☐
Bộ tiếp hợp thu ngắn/nối dài				
Bộ giảm tốc / ống bọc bộ điều hợp	83	2.860-117.0	DN 40/35, DN 35/32 (ống -> vòi), nhựa.	☐
BỘ PHỤ KIỆN CHUYÊN DỤNG THEO NHÓM MỤC TIÊU CHO MÁY HÚT BỤI				
Bộ vệ sinh công nghiệp	84	2.637-353.0	Các bộ phận riêng lẻ: Ống hút 4 m (4.440-263.0), uốn cong, kim loại (6.900-276.0), ống hút 2 × 0,5 m, kim loại (6.900-275.0), vòi hút vừa (6.903-033.0), vòi hút sàn có con lăn (6.903 -051.0).	☐

☐ Phụ kiện đang có hàng

PHỤ KIỆN CHO NT 55/2 TACT² ME I
1.667-237.0


85


86


87


88


89

		Mã đặt hàng		
BỘ PHỤ KIỆN CHUYÊN DỤNG THEO NHÓM MỤC TIÊU CHO MÁY HÚT BỤI				
Bộ Swarf	85	2.640-760.0	Bộ kết nối mạnh mẽ cụ thể DN 61 để làm sạch cùng với ống hút chống dầu và đầu hút cao su.	☐
PHỤ KIỆN KHÁC NT				
CS 40 Me	86	2.863-026.0	Bộ chuẩn bị trước lốc xoáy CS 40 Me hiệu quả cao cho tất cả các máy hút bụi khô ướt của Kärcher là một phụ kiện được thiết kế đặc biệt cho các ứng dụng bụi mịn trên các công trường xây dựng hoặc trong công nghiệp.	☐
Kết nối bộ chuyển đổi, dẫn điện	87	5.031-436.0	Bộ đổi điện đa năng, dẫn điện để kết nối các ống NT cũ có chiều rộng danh nghĩa DN 35, 40, 50 với hệ thống phụ kiện mới dành cho máy hút bụi khô và ướt của Kärcher.	☐
PHỤ KIỆN KHÁC CHO BR/ BD				
Khác				
Cáp kéo dài	88	6.647-022.0	Cáp kéo dài, 20 m, 3x1,5 mm². Với phích cắm chân tiếp đất chống văng nước, giảm căng thẳng và chống gấp khúc.	☐
EMPTYING SUPPORTS				
Túi đựng rác				
Túi xử lý PE Ø 510 mm 100 l	89	6.904-348.0	Túi xử lý làm từ PE để làm rỗng thùng chứa ít bụi.	☐

☐ Phụ kiện đang có hàng